

## NGHỊ QUYẾT

### Phê chuẩn quyết toán thu ngân sách trên địa bàn, Quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2020

#### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ PHỔ NHƠN KHÓA XIII – KỲ HỌP THỨ I

*Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002;*

*Căn cứ Luật Ngân sách số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính Phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm;*

*Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 29/TTr-UBND ngày 14 tháng 07 năm 2021 của UBND xã Phổ Nhơn về việc phê chuẩn quyết toán thu Ngân sách nhà nước trên địa bàn và thu, chi ngân sách xã năm 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - xã hội số 20/BC-HĐND-KTXH ngày 23 tháng 07 năm 2021 và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp,*

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Phê chuẩn Báo cáo quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, quyết toán thu, chi ngân sách xã Phổ Nhơn năm 2020 với các nội dung sau:

**Tổng số thu ngân sách năm 2020: 22.609.217.613đ**

**I/ Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 980.467.814đ**

**A/ Các khoản thu cân đối ngân sách nhà nước: 958.947.814đ**

1/ Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh: 46.887.499đ

2/ Thuế thu nhập cá nhân: 63.111.162đ

3/ Thu khác của thuế: 118.145đ

4/ Lệ phí trước bạ nhà đất: 9.271.992đ

5/ Thu phí, lệ phí: 40.784.000đ

6/ Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 421.576đ

7/ Tiền sử dụng đất:	- 9.150.000đ
8/ Thu phạt, tịch thu khác theo qui định:	4.600.000đ
9/ Thu từ quỹ đất CI, hoa lợi công sản khác:	845.000đ
10/ Thu khác:	21.800.000đ
11/ Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác:	37.037.640đ
12/ Thuế tài nguyên:	743.220.800đ
<b>B/ Các khoản thu không cân đối để lại chi qua NSNN:</b>	<b>21.520.000đ</b>
<b>Thu ngân sách xã:</b>	<b>22.113.669.022đ</b>
1/ Các khoản cân đối NSNN trên địa bàn:	463.399.223đ
2/ Các khoản thu để lại quản lý qua NSNN:	21.520.000đ
3/ Thu bổ sung từ NS cấp trên:	16.428.690.217đ
4/ Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm trước:	2.378.393.755đ
5/ Thu kết dư :	2.821.665.827đ
<b>III/ Tổng số chi ngân sách xã:</b>	<b>19.866.125.442đ</b>
Gồm các nội dung chi như sau:	
<b>1/Chi đầu tư phát triển:</b>	<b>3.364.232.476đ</b>
<b>2/ Chi thường xuyên: (Bao gồm cả kinh phí mục tiêu và dự phòng)</b>	<b>14.078.812.425đ. gồm có:</b>
2.1. Chi quân sự quốc phòng:	283.464.360đ
2.2. Chi Ban an ninh:	282.448.095đ
2.3. Chi sự nghiệp VH TT:	13.235.000đ
2.4. Sự nghiệp phát thanh:	202.500.000đ
2.5. Sự nghiệp TDTT:	23.920.000đ
2.6. Chi bảo vệ môi trường:	27.630.000đ
2.7. Sự nghiệp kinh tế:	4.799.734.496đ
2.8. Chi quản lý NN, Đảng, đoàn thể	5.335.672.251đ
2.9. Chi hoạt động của khối Đảng:	797.920.712đ
2.10. Chi hoạt động của UBMTTQVN xã:	273.136.485đ
2.11. Chi hoạt động của ĐTN:	153.002.836đ
2.12. Chi hoạt động của HPN:	162.545.856đ
2.13. Chi hoạt động của HND:	149.946.798đ
2.14. Chi hoạt động của HCCB:	142.849.536đ
2.15. Chi hoạt động của Hội Người cao tuổi:	88.179.000đ
2.16. Sự nghiệp xã hội:	1.342.627.000đ
<b>3/Chi chuyển nguồn sang năm sau:</b>	<b>474.963.541đ</b>
<b>4/ Chi nộp trả NS cấp trên:</b>	<b>1.948.117.000 đ</b>
<b>IV/ Số kết dư ngân sách:</b>	<b>2.247.543.580đ</b>



(Kèm theo biểu mẫu số 48,50,51,52,54,55,56,57,61 ban hành theo ND  
31/2017/ND-CP)

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện.

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức công khai số liệu quyết toán này theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Thường trực HĐND xã, các ban HĐND xã, đại biểu HĐND xã thường xuyên giám sát, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3.** Hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã khóa XIII, nhiệm kỳ 2021 – 2026, kỳ họp thứ I thông qua ngày 28 tháng 07 năm 2021 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- TT HĐND, UBND thị xã;
- Phòng Tư pháp thị xã;
- KBNN Đức Phổ;
- Phòng TC-KH thị xã;
- TT Đảng ủy, TT HĐND xã;
- CT, PCT UBND xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Các đại biểu HĐND xã;
- Các ngành, đoàn thể xã;
- Lưu: VT.



**Nguyễn Minh Cảnh**